

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20- 7 - 2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh G (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Chí L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N trình bày: Năm 2000, bà và ông Lê Chí L tự nguyện sống chung với nhau, đến ngày 25/08/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh G. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi. Từ

năm 2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Chí L; Về con chung thì bà và ông L có hai người con là Lê Văn Q, sinh ngày 25/07/2001 và Lê Chiến T, sinh ngày 30/4/2008. Khi ly hôn bà sẽ tiếp tục nuôi cháu Lê Chiến T, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Lê Văn Q đã thành niên và sống tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu giải quyết; Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn ông Lê Chí L đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 05/5/2022, cháu Lê Chiến T trình bày: Nếu cha và mẹ của cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chưa xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chưa yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn và yêu cầu được nuôi con chung mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp

thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 25/8/2011, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N với bị đơn ông Lê Chí L đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh G. Thời điểm ông bà đăng ký kết hôn, thì ông bà đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Bà N nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Chí L. Theo biên bản xác minh ngày 15/4/2022, ông L với bà N có hai người con chung đang sống cùng ông bà, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa ông bà thì chính quyền địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Cẩm N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: Giữa bà N với ông L có 02 người con chung là Lê Văn Q, sinh ngày 25/07/2001 và Lê Chiến T, sinh ngày 30/4/2008, hiện tại các con đang sống cùng ông bà. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Chiến T. Đối với cháu Lê Văn Q đã thành niên và sống tự lập nên bà N không yêu cầu giải quyết. Về phía ông L, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên ông phải chịu hậu quả của việc không chứng

minh. Theo biên bản xác minh ngày 15/4/2022, thì cả hai người con đều sống cùng ông bà. Như vậy, bà N cũng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Chiến T và cháu Lê Chiến T có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Lê Chiến T, nên tiếp tục giao cháu Lê Chiến T cho bà N nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự. Do đó, ông L chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định về tài sản chung và nợ chung đều không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Cẩm N với ông Lê Chí L được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

Cháu Lê Văn Q, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2001 đã thành niên, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu Lê Chiến T, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho bà Phạm Thị Cẩm N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Người trực tiếp nuôi con không có yêu cầu nên chưa xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002729, ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, bà Phạm Thị Cẩm N đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- **UBND xã**
- Cổng TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân